

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU S
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20/8/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU S, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Đàm Thị Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 184/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021.

Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị M - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà 273 phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh S - Sinh năm 1981

Địa chỉ: Số nhà 273 phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị M và anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới và được UBND thị trấn Triệu S, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/11/2008. Sau khi cưới vợ chồng liên tục phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau có lúc dẫn đến xô xát, gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị đã 02 lần gửi đơn ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó được hòa giải nên lại quay về

đoàn tụ, tuy nhiên sau khi quay về đoàn tụ tình cảm không thể cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân và hơn một năm nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh Trần Thanh S.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Khánh Ch, sinh ngày 04/9/2009 và Trần Khánh L, sinh ngày 28/6/2016. Hiện nay cả hai con đang sống với chị. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị là xin được nuôi cháu Khánh L, còn giao cháu Khánh Ch cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu mỗi người nuôi 1 cháu chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng. Hiện nay chị làm cán bộ Trung tâm y tế huyện thu nhập 11.150.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Thanh S trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh thống nhất với chị M về thời gian và điều kiện kết hôn không có thắc mắc gì. Sau khi cưới vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống và kinh tế, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến hay cãi nhau, có lần dẫn đến xô xát, từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, đến nay không cải thiện được mâu thuẫn. Nay chị M có đơn xin ly hôn nguyện vọng anh là xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn, mong muốn xin được đoàn tụ để nuôi dạy con. Tại buổi hòa giải và tại phiên tòa do cô M cương quyết anh xét thấy không thể hàn gắn được và tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý và xin được ly hôn chị M.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Khánh Ch, sinh ngày 04/9/2009 và Trần Khánh L, sinh ngày 28/6/2016. Hiện nay cả hai con đang sống với chị M. Ly hôn anh xin nuôi cả 02 con, nếu không được anh yêu cầu xin được nuôi cháu Khánh L, còn giao cháu Khánh Ch cho chị M nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm nghề giáo viên thu nhập 8.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của chị M là có cơ sở

chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M và anh S; Về con chung, đề nghị giao cháu Trần Khánh L cho chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Khánh Ch cho anh S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị M xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Cả chị M và anh S đều có địa chỉ cư trú tại thị trấn Triệu S, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu S đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị M và anh Trần Thanh S kết hôn với nhau năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị M mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ sau khi cưới nhau hay cãi bới cãi nhau có lúc xảy ra xô xát, đã 02 lần gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án sau đó chị rút đơn, từ hơn một năm nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nên chị xin được ly hôn. Theo anh S, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ lâu, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến hay cãi nhau, có lần dẫn đến xô xát, từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, đến nay không cải thiện được mâu thuẫn và đã 02 lần có đơn ra Tòa án giải quyết sau đó chị M rút đơn, nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nên anh cũng xin được ly hôn chị M.

Tại phiên tòa chị M, anh S đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc chị M và anh S xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật HN&GD công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị M và anh Trần Thanh S là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh S thống nhất có 02 con chung là Trần Khánh Ch, sinh ngày 04/9/2009 và Trần Khánh L, sinh ngày 28/6/2016. Hiện nay cả hai con đang sống với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi cháu Khánh L, giao cháu Khánh Ch cho anh S nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S yêu cầu được nuôi cháu Khánh L, còn giao cháu Khánh Ch cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng cả 02 cháu hiện đang còn nhỏ, nên việc giao cả 02 cháu cho một người nuôi dưỡng sẽ rất khó khăn và không đảm bảo cho sự phát triển cũng như sinh hoạt của các cháu. Theo tài liệu cung cấp anh chị đều có việc làm thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc con.

Như vậy, cả anh và chị đều khoẻ mạnh, có việc làm, có thu nhập, nên cần giao mỗi người nuôi 01 cháu là phù hợp. Hiện nay cháu Khánh Ch lớn hơn, nguyện vọng của cháu cũng muốn ở với bố, nên cần giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Khánh L nhỏ hơn nên cần giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt và đảm bảo hơn về tâm sinh lý của các cháu. Do vậy cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HNGĐ giao cháu Khánh L cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Khánh Ch cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích của các cháu và đảm bảo cho việc chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một cháu, anh chị đều có việc làm và có thu nhập đủ sinh hoạt và nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không buộc các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh S đều không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản.

[3] Về án phí: Chị Trịnh Thị M là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị M phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^d.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị M.

1. Về hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị M và anh Trần Thanh S.

2. Về nuôi con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung là:

Trần Khánh Ch - Sinh ngày 04 tháng 9 năm 2009;

Trần Khánh L - Sinh ngày 28 tháng 6 năm 2016.

2.1. Giao con chung Trần Khánh L, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2016 cho chị Trịnh Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Giao con chung Trần Khánh Ch, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2009 cho anh Trần Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Chị M, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

2.3. Chị M, anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về Cha tài sản: Chị M và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị M phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0001396 ngày 19/5/2021 của Ch cục thi hành án dân sự huyện Triệu S. Chị M đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M và anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu S;
- Thi hành án dân sự;
- UBND TT Triệu S (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

